

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ĐỐI THOẠI TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

LÊ NGỌC THANH*

Ngày nhận bài: 10/10/2017; ngày sửa chữa: 28/10/2017; ngày duyệt đăng: 30/10/2017.

Abstract: Improvement of quality of higher education requires lecturers to have the suitable attitude and responsibility in applying positive teaching methods that focus on development of conversational culture in social activities of students. In this article, author presents situation of conversational culture education at Hanoi University and then proposes solutions to educate conversational culture for students in social activities.

Keywords: Conversational culture, student, Hanoi University, social activities.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc sống, đối thoại có vai trò quan trọng, là một công cụ giao tiếp trong xã hội. Trong đó, theo chúng tôi: Văn hóa đối thoại (VHĐT) thể hiện trình độ, khả năng của việc sử dụng ngôn ngữ, hình thức, phương pháp và phương tiện giao tiếp giữa hai hay nhiều người với nhau nhằm nâng cao phương thức ứng xử (năng lực học hỏi, thích ứng và sáng tạo), tính thuyết phục, dân chủ, tạo ra những giá trị chuẩn mực tương đối ổn định, chi phối hành vi ứng xử và hiệu quả của quá trình giao tiếp.

Trường Đại học Hà Nội là một trường đào tạo đa ngành. Vì vậy, việc xác định và giáo dục VHĐT trong các hoạt động xã hội (HĐXH) cho sinh viên (SV) của nhà trường vừa có ý nghĩa lí luận, vừa có giá trị thực tiễn, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT ở bậc đại học. Có thể nói, VHĐT trong các HĐXH của SV phản ánh khả năng, trình độ của việc sử dụng ngôn ngữ, hình thức, phương pháp và phương tiện giao tiếp trong quá trình một tập thể hay một nhóm SV tham gia vào HĐXH theo những nguyên tắc nhất định nhằm giải quyết các vấn đề của cuộc sống, chi phối hành vi ứng xử và hiệu quả của quá trình đối thoại. Qua đó, tâm lí, ý thức và nhân cách của SV cũng được hình thành. Bài viết đề cập thực trạng giáo dục VHĐT trong các HĐXH cho SV Trường Đại học Hà Nội và đề xuất một số giải pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng giáo dục VHĐT trong các HĐXH cho SV Trường Đại học Hà Nội hiện nay

2.1.1. Về các lực lượng tham gia giáo dục

* Ưu điểm: Đảng bộ và Ban Giám hiệu của nhà trường đã quán triệt quan điểm của Đảng thành mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Hà Nội là đào tạo ra những trí thức không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn giác ngộ lí tưởng xã hội chủ nghĩa, có niềm tin vững chắc vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể: Nhà trường lãnh đạo học tập, tiếp thu việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về "Đẩy mạnh việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Bên cạnh đó, nhà trường cũng tập trung cải tiến và đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, các phương pháp đối thoại được áp dụng hợp lí trong quá trình tổ chức các lớp học, hội thảo, hội nghị, mít tinh, lễ hội, ... Đồng thời, Đảng bộ, Ban Giám hiệu nhà trường phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội SV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động chính trị - xã hội cho SV tham gia. Đây là cơ hội hữu ích, giúp SV tự rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn.

- *Gia đình.* Giáo dục từ phía gia đình góp phần nâng cao ý thức, tự giác tu dưỡng, rèn luyện của SV; hình thành những phẩm chất, lí tưởng tốt đẹp. Đây được coi như "cái nôi" của tự giáo dục đối với SV, là điểm tựa tinh thần vững chắc.

* Hạn chế:

- *Về phía Đảng bộ và Ban Giám hiệu nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội.* Triển khai các HĐXH chưa sâu, chưa đồng bộ, đôi khi mới dừng lại ở mức độ phong trào, hình thức, có lúc chưa theo sát, chưa đáp ứng được yêu cầu của SV. Có một số hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV triển khai, phát động nhưng thiếu sự kiểm tra, theo dõi, đánh giá thường xuyên.

- *Về phía gia đình.* Với sự phát triển của khoa học công nghệ, mạng internet ngày càng phủ sóng rộng khắp, việc gia đình quản lí SV khi sử dụng các công cụ giao tiếp có kết nối trực tuyến (online) trở nên khó kiểm soát.

2.1.2. Về nội dung giáo dục

* Ưu điểm:

- *Chủ động, tích cực trang bị những tri thức VHĐT cần thiết cho SV.* Nhà trường đã tổ chức các "Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa" cho SV nhằm định hướng, phổ biến quy chế đào tạo, chế độ chính sách, công tác Đoàn hội, quyền và nghĩa vụ của SV.

Công tác phối hợp giữa Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV và các khoa tạo điều kiện cho SV

* Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Trung ương

tổ chức, tham gia hoạt động tọa đàm, giao lưu, biểu diễn văn nghệ, bồi dưỡng kỹ năng học tiếng Anh, trao đổi kỹ năng thích ứng với môi trường đại học, kỹ năng học tiếng Anh,... Phối hợp cùng Bộ môn Giáo dục Thể chất và Quốc phòng tổ chức thành công các giải thi đấu thể dục - thể thao.

Có thể thấy thông qua các HĐXH giúp cho người tham gia đối thoại phát triển được các phương thức, kỹ năng lập luận trên cơ sở khái quát, tổng hợp và phân tích với những quan điểm của người khác về một sự vật hay hiện tượng nào đó.

- *Coi trọng giáo dục tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong các HĐXH của SV.* Phương pháp giáo dục tích cực và sáng tạo, tránh tổ chức giờ học một cách khuôn mẫu gây nhàm chán, hướng đến sự tương tác giữa giảng viên (GV) và SV một cách sinh động. Cụ thể: nhà trường đã triển khai những hoạt động theo định hướng của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng ta đã xác định: “*Xây dựng nền văn hóa mới là quá trình xây dựng, vun đắp những tư tưởng đúng, những tình cảm, phong tục, tập quán tốt đẹp; đồng thời là quá trình đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của văn hóa thực dân, phong kiến, những nhân tố lạc hậu trong đời sống văn hóa của xã hội ta*” [1; tr 63]. Đội ngũ GV đã thiết kế kế hoạch, tổ chức các hoạt động mang tính tình huống thông qua hình thức như: trình bày và thảo luận nhóm, thảo luận “bàn tròn” - là những hình thức kết hợp được cả độc thoại, đối thoại và đa thoại, mỗi chủ thể được thể hiện quan điểm của mình về xây dựng nền văn hóa mới.

* *Hạn chế:*

- *Tri thức được trang bị thiếu tính hệ thống, chưa đầy đủ và chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của SV.* SV còn bị hạn chế về kỹ năng mềm. Với đặc thù đa dạng trong tính cách của SV, quá trình trang bị tri thức VHĐT còn gặp nhiều khó khăn.

- *Phương pháp giáo dục VHĐT trong các HĐXH cho SV còn “nghèo nàn”, đơn điệu.* Thực tế cho thấy, phương pháp giáo dục cần được cải tiến, vận động không ngừng cho phù hợp với đối tượng. Khi xét về phương pháp giáo dục VHĐT, có nhiều khó khăn đối với quá trình này. Đặc biệt, sự kết hợp của nhiều hình thức cũ, mới và đan xen khiến GV đôi khi gặp khó khăn.

- *Công tác giáo dục VHĐT chưa khơi dậy, phát huy đầy đủ được tính tích cực và sáng tạo trong các HĐXH của SV.* Tính tích cực trong các HĐXH đòi hỏi sự thích ứng nhanh của đối tượng tham gia. Còn tính sáng tạo lại yêu cầu cao trong việc tổng hợp đầy đủ những thông tin liên quan. Vì vậy, quá trình giáo dục tính tích cực và sáng tạo trong các HĐXH cho SV có nhiều khó khăn, vướng mắc.

2.1.3. *Về phương thức giáo dục (sử dụng các phương pháp, hình thức và phương tiện giáo dục)*

* *Ưu điểm:*

- *Phương pháp giáo dục nhằm phát huy tính tích cực, luôn được chú trọng để ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng.* Các kỹ năng mềm và thực tiễn hướng nghiệp cho SV luôn được coi là ưu tiên hàng đầu. Chẳng hạn: công tác hướng nghiệp, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng mềm cho SV được chú trọng; nhà trường đã mời các chuyên gia tư vấn, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề “Quản lý giấc mơ nghề nghiệp” cho SV, qua buổi nói chuyện đã định hướng cho SV các kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm, đồng thời lồng ghép giáo dục tâm lý, kỹ năng mềm, giúp SV có thêm nghị lực, ý chí và quyết tâm theo đuổi mục tiêu, kế hoạch trong tương lai.

- *Đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đặc biệt chú ý giao lưu với doanh nghiệp và bám sát nhu cầu thực tế.* Cụ thể: Quản lý phòng Công tác SV (nay là phòng Công tác học sinh, SV và Quan hệ doanh nghiệp) đã làm việc với Ban quản lý khu công nghiệp chế xuất Hà Nội tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề: “*Hướng nghiệp và cơ hội việc làm cho SV Trường Đại học Hà Nội*”, giúp SV nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị các kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường.

- *Áp dụng đa phương tiện trong giáo dục, cơ sở vật chất luôn được quan tâm để đáp ứng nhu cầu người dạy và người học.* Các trang thiết bị hiện đại đã được áp dụng nhiều trong công tác giảng dạy, công tác truyền thông đa phương tiện cũng được ứng dụng phổ biến trong các hoạt động học tập.

Nhà trường đã trang bị hệ thống sân bãi tập thể dục thể thao cho SV, đặc biệt là SV nội trú, rộng và thoáng với nhiều cây xanh, với 1 sân vận động có diện tích trên 10,000m². Qua đó, các phong trào thể dục thể thao của SV và các hoạt động ngoại khóa lành mạnh được tổ chức thường xuyên, như: đá bóng, chạy, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, kéo co, cắm trại,...

* *Hạn chế:*

- *Phương pháp giáo dục chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu người học.* Với bộ phận GV trẻ mới tốt nghiệp, chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Hình thức giáo dục vẫn còn chậm đổi mới, chưa theo kịp được nhu cầu thực tế. Đặc biệt, sự kết hợp của nhiều hình thức cũ, mới và đan xen khiến GV đôi khi gặp khó khăn.

- *Phương tiện giáo dục chưa được chú trọng đầu tư và hiện đại hóa, đồng bộ hóa.* Việc ứng dụng công nghệ thông tin, các phương tiện dạy học còn chưa theo kịp với nhu cầu phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt với những công nghệ mới.

2.2. Đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục VHĐT trong các HĐXH cho SV Trường Đại học Hà Nội

2.2.1. *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban Giám hiệu nhà trường đối với giáo dục VHĐT cho SV.* Để công tác giáo dục VHĐT cho SV đạt hiệu quả cao, cần có sự lãnh đạo, hỗ trợ của

Đảng bộ, sự chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Ban Giám hiệu nhằm triển khai, kiểm tra, đánh giá hiệu quả quá trình giáo dục, từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học hữu ích cho quá trình thực hiện tiếp theo. Chẳng hạn: chỉ đạo Đoàn Thanh niên tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục về văn hóa, lối sống cho SV; trong công tác tuyên truyền, giáo dục về “Bảo vệ môi trường”, Đảng bộ, Ban Giám hiệu cần có công văn hướng dẫn, tuyên truyền sâu rộng những hoạt động bảo vệ môi trường: Ngày chủ nhật không dùng túi nilon, Ngày môi trường thế giới 05/6, Giờ trái đất,...

Tại Đại hội X, trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định phải chuyển mô hình giáo dục hiện hành sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập. Do đó, Đảng bộ, Ban Giám hiệu nhà trường cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên giáo dục VHĐT cho SV. Đặt trọng tâm từ việc học từ cộng đồng, trong đó, đối tượng SV, cán bộ - GV và cộng đồng giao lưu, học hỏi cùng nhau. Có thể thấy, giáo dục vì sự phát triển bền vững khác với giáo dục truyền thống ở chỗ, nhấn mạnh đến những vấn đề xã hội phức tạp, đòi hỏi SV cần có các kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng hợp tác, tham gia và hành động.

Hiện nay, các trường đại học ở nước ta nói chung và Đại học Hà Nội nói riêng chưa chú trọng đến vấn đề giáo dục vì sự bền vững cho SV. Tuy nhiên, dựa trên cơ sở phấn đấu đến năm 2020, nước ta lọt vào top 200 trường đại học hàng đầu thế giới, thì việc chỉ mọt chiến lược nhằm đưa nội dung chất lượng ngày càng sát thực tiễn vào chương trình học. Vì thế, việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo đối với giáo dục VHĐT cho SV là rất cần thiết.

Có thể nói, với sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên, sự quan tâm của Đảng bộ, Ban Giám hiệu nhà trường trong việc giáo dục VHĐT cho SV, nhà trường cần đảm bảo được tính dân chủ, tạo ra những giá trị chuẩn mực về cách ứng xử, giao tiếp. Đồng thời, mỗi SV nâng cao được năng lực tự học, thích ứng và sáng tạo về VHĐT trong các HĐXH.

2.2.2. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng công tác và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, GV đối với giáo dục VHĐT trong các HĐXH cho SV. Tình trạng thiếu minh bạch trong quản lí, thiếu chuyên nghiệp trong công tác, nếu muốn đột phá từ khâu quản lí mà không bắt đầu sửa chữa một cách quyết liệt những thiếu sót từ cấp vĩ mô sẽ khó đổi mới căn bản, toàn diện được. Cuộc thử nghiệm “*nói không với bệnh thành tích*” đã cho một bài học rất có giá trị. Vì vậy, đội ngũ cán bộ - GV cần nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò của mình trong giáo dục VHĐT cho SV.

Khi chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo tín chỉ, số giờ giảng dạy trên lớp của GV giảm khá nhiều, do vậy số giờ yêu cầu SV tự học tăng lên. Thực tế cho thấy, đa số SV còn chưa có phương pháp tự học hiệu quả, học tập còn thụ

động. Những công việc chuẩn bị của GV cũng chính là định hướng cho SV tự học, giúp các em tìm kiếm tài liệu, theo dõi, kiểm tra kết quả tự học. Do đó, GV không những cần có kiến thức sâu rộng mà còn phải tâm huyết với nghề nghiệp, có sự chủ động khi thực hiện quy trình tương tác với SV, chẳng hạn: *Làm đề cương môn học chi tiết, cụ thể; hướng dẫn SV chuẩn bị bài học của tiết học kế tiếp; GV cần đầu tư, thiết kế giờ dạy để tạo hứng thú cho SV, buộc các em phải tích cực hoạt động trong giờ học.*

Bên cạnh đó, GV cần khai thác tối đa những tình huống có vấn đề để phát huy vai trò chủ động tìm hiểu, khám phá kiến thức và khả năng tư duy của SV; chuẩn bị, lựa chọn các ví dụ ngoài giáo trình, có tính thực tiễn, sinh động. Điều này sẽ giúp SV dễ hiểu, dễ nhớ, biết sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt, nâng cao được khả năng tư duy logic và diễn đạt; chốt lại mạch kiến thức và các kiến thức cốt lõi. Từ đó, hình thành và nâng cao trình độ VHĐT của SV.

2.2.3. Xây dựng tiêu chí văn hóa học đường và chương trình giáo dục văn hóa học đường cho SV. Đối với tiêu chí và giáo dục văn hóa học đường cho SV, nhà trường cần có chủ trương, kế hoạch triển khai, coi giáo dục văn hóa là nhân tố quan trọng, chú trọng đến hình thành và phát triển nhân cách, xây dựng tiêu chí văn hóa học đường, chương trình, lộ trình giáo dục văn hóa học đường cho SV.

Có thể kể đến một số tiêu chí cần được xây dựng: 1) Truyền đạt mục tiêu giáo dục tới mọi thành viên; 2) Xây dựng chuẩn cho các bộ môn học; 3) SV cam kết có trách nhiệm học tập tốt; 4) Xây dựng mối quan hệ phối hợp và cộng tác trong nhà trường; 5) Tạo cơ hội cho cán bộ và GV phản ánh kịp thời tình hình, cá nhân cũng như tập thể, thường xuyên kiểm tra, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn; 6) Thúc đẩy động cơ, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến phương thức giảng dạy, tạo sự thống nhất trong cán bộ và GV; 7) Mỗi thành viên của nhà trường cần thể hiện văn hóa ứng xử, giao tiếp ở gia đình, trong nhà trường và ngoài xã hội.

Bên cạnh đó, chương trình, lộ trình giáo dục văn hóa học đường cần chú trọng nâng cao trình độ của SV trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình thức, phương pháp và phương tiện đối thoại theo những nguyên tắc và phương pháp khoa học nhất định nhằm đạt hiệu quả cao trong quá trình đối thoại. Xây dựng và giáo dục văn hóa học đường cho SV cần tới sự ủng hộ và tham gia đồng bộ, đội ngũ cán bộ - GV, SV cùng chung tay, chung sức, đoàn kết thì mục tiêu đề ra sẽ đạt được kết quả tốt.

2.2.4. Kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giáo dục và tự giáo dục

- Kết hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc giáo dục VHĐT. Để phát huy tác dụng giáo dục VHĐT, trước hết gia đình cần là môi trường đối thoại tốt, hướng mỗi người theo những chuẩn mực đối thoại xã hội. Bởi, từ việc hình thành các phản xạ giao tiếp, tâm lí đến thói quen ứng

xử đối thoại, nhận thức đối thoại,... đều chủ yếu xuất phát từ gia đình, được khẳng định ở gia đình.

Các quan hệ xã hội ngày càng được mở rộng, vì vậy SV cũng chịu sự tác động của các quan hệ xã hội. Thực tế, có thể chia giáo dục về VHĐT thành hai loại tác động: *Tự giác và tự phát*. Tác động tự giác là loại tác động có kế hoạch, mục đích. Đây được coi là các hoạt động giáo dục của nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội, của các tập thể lao động.

Có thể nói, bằng đường lối, chính sách đúng đắn, Đảng và Nhà nước đã chăm lo xây dựng môi trường VHĐT chung của xã hội. Vấn đề đặt ra là cần thực hiện sự kết hợp giáo dục VHĐT giữa gia đình và xã hội sao cho thống nhất, hiệu quả. Các tổ chức và gia đình cần chăm lo tới việc giáo dục từng thành viên của mình, đồng thời chủ động phối hợp với nhau để công tác giáo dục đạt được mục tiêu.

* *Giáo dục và tự giáo dục trong việc giáo dục VHĐT*. Giáo dục trong VHĐT có nghĩa là chỉ ra phương hướng, chuẩn mực, quy tắc,... để mọi thành viên trong xã hội thực hiện. Những hành vi được thực hiện trên cơ sở tự nguyện được coi là những hành vi mang tính đối thoại. Vì thế, cần lưu tâm đến yếu tố tự giáo dục.

Nhằm thực hiện phương thức này, ngoài việc tăng cường các hoạt động giáo dục nói chung, cần quan tâm tới giáo dục các nhóm nhỏ và giáo dục cá biệt, chú ý sử dụng các phương pháp khích lệ, động viên, nêu gương,... tạo điều kiện cho mọi người được thể nghiệm, tự rút ra những kết luận VHĐT cho bản thân.

2.2.5. *Tạo môi trường giáo dục thuận lợi, mang tính dân chủ trong giáo dục VHĐT cho SV*. Việc phát huy tính dân chủ trong giáo dục ở nhà trường luôn là tiền đề cần thiết, bảo đảm cho sự phát triển toàn diện những năng lực sẵn có của con người; là nền giáo dục mà theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dạy học cần theo nhu cầu của dân tộc, của xã hội. Trong Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, SV nhân dịp bắt đầu năm học mới, Báo Nhân dân, số 5299, ngày 16/10/1968, Hồ Chí Minh viết: *"Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng. Cần phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa"*.

Giáo dục VHĐT cho SV Trường Đại học Hà Nội đã được Đảng bộ, Ban Giám hiệu cùng toàn thể cán bộ, GV đặc biệt quan tâm, chú trọng. Nhờ đó, công tác này đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy vậy, công tác giáo dục VHĐT cho SV Trường Đại học Hà Nội vẫn còn nhiều hạn chế, từ việc tham gia của các lực lượng, đến các nội dung và phương thức giáo dục, từ sự lãnh đạo, quản lý đến công tác đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện,... Để giải quyết triệt để những vấn đề này, theo chúng tôi cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. □

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1976). *Báo cáo chính*

trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. NXB Chính trị Quốc gia.

[2] Nguyễn Mạnh Cẩm (2013). *Đổi mới và phát triển giáo dục hướng tới xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập*. NXB Dân trí.

[3] Hữu Đạt (2009). *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Phạm Minh Hạc (2010). *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Hồ Bá Thâm (2006). *Xây dựng bản lĩnh thanh niên hiện nay*. NXB Thanh niên.

[6] Huỳnh Khải Vinh (2001). *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn mực giá trị xã hội*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[7] Bùi Hiền (2001). *Từ điển giáo dục học*. NXB Từ điển bách khoa.

Thử nghiệm giải pháp "Bồi dưỡng..."

(Tiếp theo trang 9)

mang tính đồng bộ trong quản lí CTCNL ở trường THPT tiểu vùng phía Nam đồng bằng sông Hồng. Kết quả TN thu được là cơ sở thực tiễn khách quan để nghiên cứu này tiếp tục được triển khai một cách đại trà tại các tất cả các trường THPT trên địa bàn tiểu này. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông (chương trình tổng thể)*.

[2] Nguyễn Thanh Bình (chủ biên, 2011). *Một số vấn đề trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông trung học hiện nay*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Trần Châu Hoàn (2011). *Biện pháp quản lí công tác chủ nhiệm lớp của Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng*. Tạp chí Giáo dục, số 254, tr 4-6;13

[4] Hà Nhật Thăng (chủ biên) - Nguyễn Dục Quang - Nguyễn Thị Kỳ (2006). *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông (tái bản lần thứ 6)*. NXB Giáo dục.

[5] Nguyễn Việt Hùng - Hà Thế Truyền (2013). *Tăng cường năng lực làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông: Dành cho giáo viên trung học phổ thông (Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên)*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Nguyễn Thị Dung (2008). *Trí tuệ cảm xúc của giáo viên chủ nhiệm lớp trường trung học cơ sở*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Lê Anh - Lê Thị Thu Trang. *Nguyên lí thống kê*. NXB Lao động - Xã hội.